Ngưỡng cửa Iran: Pepe Escobar, lời cảnh báo chiến lược của Nga và lối thoát ngoại giao cuối cùng tại Thâm Quyến

Bởi Frank , 7 Tháng 11 2026

Ngưỡng cửa Iran: Pepe Escobar, lời cảnh báo chiến lược của Nga và lối thoát ngoại giao cuối cùng tại Thâm Quyến

Vì sao một cuộc tấn công mới của Mỹ nhằm vào Iran có thể dẫn đến đối đầu với trật tự Á-Âu đang hình thành



Tác giả: Frank Dumon | Chủ yếu dựa trên phần bình luận của Pepe Escobar trong cuộc trao đổi với Zulfiqar Ali

“Một cuộc tấn công nhằm vào Iran cũng sẽ là một cuộc tấn công nhằm vào Nga.” Đó là lời cảnh báo chiến lược mà Pepe Escobar rút ra từ những hoạt động ngoại giao đặc biệt diễn ra xung quanh cuộc gặp giữa Vladimir Putin và người đứng đầu cơ quan an ninh quốc gia Iran. Đây là lời cảnh báo về những hệ

quả có thể xảy ra, chứ không phải câu trích dẫn từ một hiệp ước phòng thủ chung.

Mối nguy tại Tây Á không còn chỉ giới hạn ở viễn cảnh Mỹ, Israel và Iran tiếp tục đáp trả nhau bằng tên lửa. Nguy cơ sâu xa hơn nằm ở khả năng Washington đang đánh giá sai tương quan sức mạnh chính trị và kinh tế đã hình thành bên ngoài phạm vi ảnh hưởng truyền thống của mình. Một chiến dịch quân sự được hoạch định nhằm phô diễn ưu thế vượt trội của Mỹ có thể lại thúc đẩy nhanh hơn sự củng cố của một hệ thống chiến lược Á-Âu, trong đó Nga, Iran và Trung Quốc ngày càng phối hợp chặt chẽ các lợi ích của mình, còn Pakistan giữ vai trò ngoại giao không thể thiếu.

Đây là luận điểm trung tâm trong một cuộc trao đổi gần đây với nhà phân tích địa chính trị **Pepe Escobar**, do **Zulfiqar Ali** dẫn dắt. Escobar đặt một cuộc gặp đặc biệt quan trọng ở Moskva vào vị trí trung tâm trong nhận định của ông. Phân tích của ông công khai phê phán chủ nghĩa can thiệp của Mỹ, chính sách quân sự của Israel và giới cầm quyền chính trị vẫn coi sự cưỡng ép là công cụ ưu tiên trong quan hệ quốc tế. Ngôn từ của ông nhiều khi rất gay gắt. Tuy nhiên, đằng sau những lời lẽ mang tính luận chiến ấy là một câu hỏi cần được xem xét nghiêm túc: điều gì xảy ra khi một chính phủ vốn quen buộc các nước khác gánh chịu cái giá của chiến tranh nay phải đối diện với những cường quốc ngày càng có khả năng buộc chính phủ ấy phải trả giá ngược lại?

Những sự kiện đã được xác nhận có ý nghĩa quan trọng. Ngày **5 tháng 11 năm 2026**, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã tiếp **Mohsen Rezaei**, Thư ký Hội đồng An ninh Quốc gia Tối cao Iran, tại Điện Kremlin. Cố vấn Điện Kremlin **Yuri Ushakov** và người đứng đầu cơ quan tình báo quân sự Nga **Igor Kostyukov** được xác định là những người tham dự phía Nga. Sau cuộc gặp, Rezaei đề cập đến an ninh khu vực, các thỏa thuận cho giai đoạn hậu chiến và hợp tác năng lượng. Ông cũng nhắc lại lập trường của Tehran rằng Washington phải chấp nhận những điều kiện của Iran trước khi tiến trình đàm phán và việc mở lại eo biển Hormuz có thể tiếp tục. Chỉ riêng các thông tin công khai đó đã cho thấy tầm quan trọng chính trị của cuộc gặp.

Escobar còn đưa ra những thông tin sâu hơn. Dựa vào một nguồn tin mà ông và người dẫn chương trình mô tả là có khả năng tiếp cận phái đoàn Iran, ông cho biết đã có một cuộc điện đàm chuẩn bị kéo dài, một nghi thức đón tiếp trang trọng khác thường, một cuộc họp dài hơn ba giờ và một đường dây liên lạc bảo mật với Lãnh tụ Tối cao **Mojtaba Khamenei**. Các thông tin công khai hiện có chưa cho phép xác minh độc lập từng chi tiết này. Vì vậy, ở đây chúng được trình bày như *tường thuật của Escobar dựa trên nguồn tin riêng*, chứ không phải biên bản đã được kiểm chứng của cuộc hội đàm tại Điện Kremlin. Sự phân biệt ấy đặc biệt quan trọng, bởi ý nghĩa chiến lược của cuộc gặp đã được xác nhận vốn đã rất lớn, không cần phải giả định rằng chúng ta biết mọi điều đã được nói sau những cánh cửa đóng kín.

1. Thông điệp từ Moskva: tấn công Iran không còn chỉ là vấn đề riêng của Iran

Trong phần lớn thời kỳ kể từ Cách mạng Iran năm 1979, chính sách của Mỹ dựa trên giả định rằng Iran có thể bị đặt dưới sức ép quân sự, tài chính và ngoại giao đặc biệt nặng nề. Các biện pháp trừng phạt, cô lập, hoạt động bí mật, đe dọa tấn công và những cuộc đối đầu quân sự lặp đi lặp lại đã được sử dụng để thu hẹp không gian hành động của Tehran. Vì vậy, các chính phủ Iran, bất kể người ta đánh giá chính sách đối nội của họ như thế nào, ngày càng xem quyền tự chủ chiến lược và năng lực răn đe là những vấn đề sống còn.

Escobar cho rằng cuộc gặp ở Moskva đánh dấu sự chấm dứt ảo tưởng rằng Washington có thể đối xử với Iran như một quốc gia đơn độc. Iran không phải là lãnh thổ bảo hộ của Nga. Moskva cũng không có nghĩa vụ pháp lý phải tiến hành chiến tranh chống Mỹ thay cho Tehran. Tuy nhiên, Nga có quá nhiều lợi ích gắn với sự tồn tại, cơ sở hạ tầng và định hướng chiến lược của Iran để có thể coi một cuộc tấn công mới chỉ là vấn đề khu vực xa xôi. Iran là láng giềng then chốt trong không gian Caspi, đối tác về năng lượng và hậu cần, thành viên tham gia các thể chế Á-Âu, đồng thời là một đối trọng quan trọng trước ưu thế quân sự của phương Tây.

Cần phân biệt rõ giữa **một cuộc tấn công quân sự trực tiếp vào lãnh thổ Nga** và **một cuộc tấn công mang tính chiến lược vào các lợi ích của Nga**. Cách diễn đạt của Escobar thuyết phục nhất theo nghĩa thứ hai. Việc phá hủy các hành lang vận tải của Iran, áp đặt thay đổi chính quyền ở Tehran hoặc làm tê liệt lâu dài năng lực phòng thủ của Iran đều sẽ gây tổn hại đến vị thế địa chính trị của Moskva. Những diễn biến đó có thể đe dọa các khoản đầu tư, làm suy yếu tuyến thương mại quan trọng hướng xuống phía nam và củng cố nhận thức rằng bất kỳ quốc gia nào nằm ngoài hệ thống liên minh của Mỹ đều có nguy cơ bị tàn phá bởi sức mạnh từ bên ngoài.

Đối với Nga, một kết cục như vậy còn mang những bài học vượt xa vấn đề Iran. Một chính phủ đang ở trong cuộc đối đầu kéo dài với phương Tây về Ukraine sẽ nhìn việc một đối tác chiến lược khác bị loại bỏ hoặc suy yếu nghiêm trọng như bằng chứng cho thấy những thỏa thuận đạt được thông qua thương lượng chỉ có tính tạm thời, trong khi sức ép quân sự vẫn là công cụ thường trực. Đó là lý do cuộc gặp tại Điện Kremlin có ý nghĩa lớn. Ít nhất, nó cho thấy vấn đề Iran hiện đã gắn chặt với những tính toán an ninh rộng hơn của Nga.

Nhận định đó không phải lời kêu gọi đối đầu giữa Nga và Mỹ. Hoàn toàn ngược lại: đó là lời cảnh báo rằng các nhà hoạch định chiến lược Mỹ có thể đang đánh giá thấp tốc độ mà một đòn tấn công được cho là có giới hạn sẽ mang ý nghĩa rộng lớn hơn rất

nhiều. Một khi các đối tác chiến lược nhìn nhận cuộc tấn công như một phần của chiến dịch nhằm vào an ninh chung của họ, tiến trình leo thang sẽ không còn tuân theo những ranh giới gọn ghẽ được hình dung trong các phòng họp tác chiến.

2. “Sự ủng hộ của chúng tôi không có giới hạn”: ngôn ngữ răn đe và ý nghĩa thực sự

Một trong những khẳng định gây chú ý nhất trong cuộc trao đổi với Escobar là việc ông cho rằng Putin đã truyền đi thông điệp rằng sự hỗ trợ của Nga dành cho Iran **“không có giới hạn”.** Cụm từ này xuất hiện trong lời kể của nhà bình luận; không nên coi đó là một tuyên bố công khai của Putin đã được xác minh độc lập. Tuy nhiên, ý nghĩa chiến lược của nó vẫn có thể được phân tích mà không cần phóng đại.

Tháng 1 năm 2025, Nga và Iran ký **Hiệp ước Đối tác Chiến lược Toàn diện**, và văn kiện có hiệu lực vào cuối năm đó. Hiệp ước thiết lập khuôn khổ cho việc phối hợp an ninh, hợp tác kỹ thuật quân sự, diễn tập, liên lạc giữa các cơ quan tình báo, các dự án năng lượng và hội nhập kinh tế. Ngôn từ của văn kiện có ý nghĩa đáng kể. Nó cho thấy mối quan hệ này được xây dựng để tồn tại qua những cuộc khủng hoảng riêng lẻ và các chu kỳ bầu cử, thay vì chỉ dựa vào những giao dịch ngắn hạn.

Tuy nhiên, hiệp ước **không có điều khoản phòng thủ chung tự động theo kiểu NATO**. Điều 3 quy định rằng nếu một bên bị xâm lược, bên kia sẽ không hỗ trợ bên xâm lược và sẽ góp phần giải quyết tranh chấp trên cơ sở Hiến chương Liên Hợp Quốc. Các điều 5 và 6 quy định về hợp tác quân sự và kỹ thuật quân sự. Chúng không cam kết Nga tự động tham chiến trong mọi cuộc xung đột có liên quan đến Iran. Bất kỳ bài viết nào khẳng định tồn tại nghĩa vụ như vậy đều đã nhầm lẫn giữa sự răn đe chính trị và luật điều ước.

Điều đó không có nghĩa quan hệ đối tác này chỉ mang tính hình thức. Hỗ trợ có thể diễn ra dưới nhiều hình thức: bảo vệ về ngoại giao tại các diễn đàn quốc tế; chia sẻ thông tin tình báo; giám sát và cảnh báo sớm; bảo dưỡng và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ hạ tầng; hợp tác năng lượng; phối hợp giữa các ngành công nghiệp quốc phòng; và duy trì khả năng giao thương bất chấp các lệnh trừng phạt. Những khả năng đó vẫn quan trọng ngay cả khi bản chất cụ thể của sự hỗ trợ hiện nay không được công khai. Tuy nhiên, sẽ là thiếu trách nhiệm nếu khẳng định những thương vụ chuyển giao tên lửa hay thỏa thuận tác chiến cụ thể đã được xác nhận chỉ vì Escobar tin rằng chúng đã được bàn thảo.

Một lý do khiến cách diễn giải của ông đáng chú ý là sự hiện diện của lãnh đạo cơ quan tình báo quân sự Nga tại cuộc họp. Việc một quan chức tình báo cấp cao tham gia không chứng minh đã có những thỏa thuận vũ khí cụ thể. Nhưng điều đó cho thấy

Moskva coi cuộc gặp là một cuộc tham vấn an ninh có tầm quan trọng lớn. Khi kết hợp với quan hệ quốc phòng sẵn có, nó tạo ra chính sự mơ hồ chiến lược mà hoạt động răn đe thường hướng tới: Washington không thể tự tin giả định rằng một cuộc tấn công vào Iran sẽ chỉ phải đối diện với năng lực quân sự hiện tại của Iran, hoạt động hoàn toàn đơn độc.

Đồng thời, Moskva cũng có những động cơ riêng để tránh một cuộc chiến khu vực vượt khỏi tầm kiểm soát. Nga sẽ không được lợi từ một cuộc khủng hoảng phá hủy cơ sở hạ tầng năng lượng, làm bất ổn các tuyến kết nối trong khu vực Caspi hoặc dẫn tới nguy cơ đối đầu trực tiếp với Mỹ. Vì vậy, cách hiểu đáng tin cậy nhất về những tuyên bố ủng hộ mạnh mẽ không phải là lời thông báo về một cuộc chiến không giới hạn. Đó là lời cảnh báo nhằm khiến Washington phải nhận thấy cái giá của hành động quân sự tiếp theo là khó lường, rất lớn và khó kiểm soát về mặt chính trị.

3. Nga, Trung Quốc và Pakistan: một tam giác hùng mạnh nhưng không phải liên minh quân sự thống nhất

Escobar và Ali mô tả sự hình thành một **tam giác Nga–Trung Quốc–Pakistan** có ảnh hưởng lớn xoay quanh Iran. Cấu trúc này đáng được chú ý nhiều hơn so với thói quen của phương Tây chỉ tập trung vào các liên minh quân sự. Ba quốc gia đảm nhiệm những vai trò khác nhau, và sức mạnh hợp tác của họ xuất phát chính từ tính bổ trợ giữa các vai trò ấy.

Nga mang lại cho Tehran sức nặng ngoại giao, quan hệ hợp tác quốc phòng lâu dài và sự gắn kết kinh tế ngày càng mở rộng. Nga cũng tạo thành mắt xích địa lý ở phía bắc của Hành lang Vận tải Quốc tế Bắc–Nam. **Trung Quốc**, một cường quốc kinh tế châu Á và đối tác chiến lược của cả Nga lẫn Iran, có ảnh hưởng về thương mại, tài chính và ngoại giao. **Pakistan** đã trở thành kênh liên lạc then chốt cho các cuộc đàm phán giữa Washington và Tehran, trong đó Qatar cũng đóng vai trò trung tâm trong hoạt động trung gian. Không thể đánh đồng ảnh hưởng của họ với một bộ chỉ huy quân sự chung, bởi chưa có bằng chứng cho thấy một cơ cấu như thế tồn tại.

Có những bằng chứng công khai, cụ thể về sự phối hợp này. Tháng 7 năm 2026, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị và người đồng cấp Pakistan Ishaq Dar cùng kêu gọi Mỹ và Iran chấm dứt chiến sự và quay trở lại bàn đàm phán. Trung Quốc công khai ghi nhận đóng góp trung gian hòa giải của Pakistan. Bộ Ngoại giao Pakistan cũng nhiều lần mô tả việc liên lạc với cả hai phía là một phần trong nỗ lực ngoại giao liên tục. Bản ghi nhớ về sự hiểu biết đạt được tại Islamabad và những sáng kiến tiếp theo của Pakistan cùng Qatar cho thấy hoạt động trung gian này là một tiến trình chính trị thực sự, chứ không chỉ là một giả thuyết.

Vai trò của Pakistan đặc biệt dễ bị đánh giá thấp. Islamabad có quan hệ làm việc với Trung Quốc và Nga, đồng thời duy trì các kênh liên lạc với Washington, các thủ đô vùng Vịnh và Tehran. Lợi ích quốc gia của Pakistan không hoàn toàn trùng khớp với lợi ích của Iran, và nước này không có lý do gì để tìm kiếm một cuộc chiến khu vực không giới hạn thay cho Iran. Chính khoảng cách ấy có thể khiến vai trò trung gian của Pakistan trở nên đáng tin cậy. Một bên trung gian chỉ nhắc lại yêu sách của một phía sẽ kém hữu ích hơn bên có thể truyền đạt các cảnh báo, nhượng bộ và khả năng thỏa hiệp mà không lập tức bị gạt bỏ.

Những ưu tiên của Trung Quốc cũng có nét riêng. Bắc Kinh muốn hoạt động vận tải thương mại qua **eo biển Hormuz** diễn ra không bị gián đoạn. Trung Quốc coi trọng quan hệ với Iran, nhưng đồng thời cũng coi trọng quan hệ với Saudi Arabia và các nước quân chủ vùng Vịnh. Bắc Kinh phản đối tình trạng bất ổn đe dọa nguồn cung năng lượng, các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng và mạng lưới thương mại quốc tế của mình. Vì vậy, việc Trung Quốc phản đối sức ép đơn phương của Mỹ đi đôi với mong muốn kiềm chế sự leo thang trong khu vực. Đây là một chính sách cân bằng lợi ích, không phải cam kết tham gia mọi cuộc chiến do đối tác lựa chọn.

Cấu trúc đang hình thành phức tạp hơn hình ảnh quen thuộc về các khối đối đầu. Nga mang lại chiều sâu chiến lược; Trung Quốc đóng góp quy mô kinh tế và tầm ảnh hưởng ngoại giao; Pakistan mở ra kênh tiếp cận đàm phán. Trong khi đó, Iran vẫn duy trì lợi ích và quyền tự chủ hành động của mình. Những nhà chiến lược phương Tây xem sự liên kết này chỉ là một liên minh tình thế có thể bỏ qua thực tế rằng các biện pháp cưỡng ép lặp đi lặp lại của Mỹ đã tạo động lực khiến các quốc gia này phối hợp ngày càng chặt chẽ.

4. “Tầng lớp Epstein”, chủ nghĩa Zion chính trị và những thiết chế nuôi dưỡng chiến tranh thường trực

Phần gay gắt nhất trong cuộc trao đổi giữa Escobar và Ali liên quan đến nền văn hóa chính trị chi phối chính sách quân sự của Mỹ và Israel. Ali sử dụng cụm từ **“tầng lớp Epstein”** để lên án điều mà ông cho là một giới tinh hoa xuyên quốc gia đầy đặc quyền, được che chắn khỏi trách nhiệm giải trình. Đây là cách nói mang tính luận chiến, không phải bằng chứng về sự tồn tại của một tổ chức bí mật duy nhất điều khiển các sự kiện quốc tế. Cụm từ ấy nên được hiểu là lời cáo buộc về tình trạng giới tinh hoa không phải chịu trách nhiệm và về các mạng lưới ảnh hưởng, chứ không phải một âm mưu đã được chứng minh liên kết tất cả những cá nhân hay tổ chức mà ông phê phán.

Tuy nhiên, ẩn dưới cách diễn đạt đó là một sự phê phán có cơ sở về cấu trúc quyền lực. Những cuộc can thiệp quân sự lặp đi lặp lại đã tạo ra các mối quan hệ giữa quan

chức chính phủ, nhà thầu quốc phòng, bộ máy an ninh, cơ quan tình báo, nhà tài trợ, mạng lưới vận động hành lang và những người bình luận trên truyền thông. Trong hệ thống ấy, gánh nặng chiến tranh đổ xuống người dân, quân nhân đang phục vụ và người nộp thuế một cách không cân xứng, trong khi các động cơ nghề nghiệp và tài chính có thể khuyến khích quá trình quân sự hóa tiếp diễn. Sự tồn tại của những động cơ đó không chứng minh mọi người ra quyết định đều mong muốn chiến tranh. Nhưng nó đòi hỏi phải xem xét ai có ảnh hưởng, ai hưởng lợi từ các hợp đồng, ai gánh rủi ro và ai phải chịu trách nhiệm khi những kết quả được hứa hẹn không trở thành hiện thực.

Việc phê phán **chủ nghĩa Zion chính trị** cũng đòi hỏi sự chính xác. Chủ nghĩa Zion bao gồm nhiều trào lưu lịch sử và đương đại khác nhau, và không thể quy trách nhiệm tập thể cho người Do Thái về những quyết định của chính phủ Israel. Sự giám sát chính trị chính đáng và cần thiết phải hướng vào các chính sách và chủ thể cụ thể: cách chính phủ Israel tiến hành chiến tranh, việc chính phủ này ưu tiên chiến lược gây sức ép lên Iran, những người ủng hộ mở rộng lãnh thổ và các chính trị gia Mỹ tán thành leo thang quân sự. Phê phán những chương trình chính trị ấy không đồng nghĩa với phê phán người Do Thái với tư cách một dân tộc, cũng không cho phép quy một động cơ duy nhất cho tất cả những ai tự nhận mình theo chủ nghĩa Zion.

Luận điểm rộng hơn của Escobar là một giới cầm quyền chính trị quen đồng nhất sức mạnh với uy tín có thể bị mắc kẹt trong chính ngôn ngữ của mình. Một khi đối thủ đã bị công khai mô tả là mối đe dọa sống còn, thỏa hiệp sẽ bị xem là yếu đuối, kiềm chế bị coi là thất bại và đàm phán bị diễn giải thành sự nhục nhã. Khi đó, các nhà lãnh đạo phải chịu sức ép mạnh mẽ buộc họ tiếp tục leo thang, ngay cả khi hành động quân sự không thể mang lại một kết cục chính trị ổn định. Trong bối cảnh ấy, câu hỏi “Chúng ta có thể tấn công hay không?” lấn át câu hỏi quan trọng hơn: “Cuộc tấn công đó có thể tạo điều kiện cho một giải pháp chính trị nào?”

Lịch sử các cuộc can thiệp của Mỹ cung cấp nhiều lý do để chống lại sự thu hẹp như vậy của cuộc tranh luận. Chiến thắng về chiến thuật không nhất thiết tạo ra chính phủ có tính chính danh, an ninh khu vực đáng tin cậy hoặc sự đồng thuận của người dân. Phá hủy trang thiết bị dễ hơn nhiều so với xây dựng một trật tự chính trị được chấp nhận. Loại bỏ lãnh đạo dễ hơn việc giải quyết những bất bình và các thiết chế duy trì sự phản kháng. Một quốc gia có thể sở hữu hỏa lực áp đảo nhưng vẫn không thể áp đặt các điều khoản hòa bình cuối cùng.

Escobar và người dẫn chương trình mô tả triển vọng Mỹ tiếp tục hành động quân sự chống Iran như một biểu hiện của sự tuyệt vọng. Đó là một cách diễn giải, không phải sự thật có thể đo lường về trạng thái tinh thần của các nhà lãnh đạo Mỹ. Nhưng câu

hỏi cốt lõi là chính đáng: nếu những đợt cưỡng ép trước đây không tạo ra được một thỏa thuận có thể chấp nhận, tại sao người ta lại kỳ vọng đợt tiếp theo sẽ đạt được điều mà các đợt trước không thể? Một chính phủ có trách nhiệm phải trả lời bằng một chiến lược chính trị đáng tin cậy, chứ không chỉ bằng danh sách mục tiêu quân sự và những tuyên bố cứng rắn.

5. Nga, Iran và Trung Quốc với tư cách những "quốc gia-văn minh": thách thức đối với tham vọng áp đặt các chuẩn mực phương Tây

Cách Escobar mô tả **Nga, Iran và Trung Quốc là ba "quốc gia-văn minh"** giữ vị trí trung tâm trong thế giới quan của ông. Theo cách nhìn này, cuộc đối đầu không đơn thuần là sự cạnh tranh về không phận, dầu mỏ hay các lệnh trừng phạt. Vấn đề là quyền của những xã hội lớn với chiều sâu lịch sử được tự xác định con đường phát triển chính trị và các mối quan hệ của mình, mà không phải chấp nhận Mỹ là cơ quan quyền lực tối cao chi phối trật tự quốc tế.

Nga nhấn mạnh bề dày lịch sử, ngôn ngữ, vị trí địa lý gắn với an ninh và tầm nhìn về một thế giới đa cực. Iran dựa vào nền văn minh Ba Tư, bản sắc nhà nước hình thành từ cuộc cách mạng và kinh nghiệm lâu dài trong việc chống lại sự can thiệp từ bên ngoài. Trung Quốc khẳng định tính liên tục của nền văn minh mình, đồng thời kết hợp một nền kinh tế công nghiệp hiện đại với mô hình phát triển do nhà nước định hướng. Ba nước không cùng chia sẻ một hệ tư tưởng hay thể chế chính trị. Điểm chung của họ là sự khẳng định rằng sức mạnh phương Tây không được dùng vũ lực để quyết định chính phủ nào được tồn tại và quốc gia nào được phép giao thương.

Góc nhìn này giúp giải thích sức hấp dẫn của các thể chế như **BRICS** và **Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)**, cũng như các thỏa thuận thương mại bằng đồng nội tệ, những hệ thống thanh toán thay thế và các tuyến vận tải giúp giảm phụ thuộc vào những điểm nghẽn do phương Tây kiểm soát. Tham gia các thể chế đó không xóa bỏ những khác biệt giữa các quốc gia thành viên. Nhưng điều đó đem lại cho các chính phủ thêm lựa chọn, và chính sự hiện diện của những lựa chọn ấy làm thay đổi sức mạnh thương lượng.

Tuy nhiên, không nên biến khái niệm "quốc gia-văn minh" thành lời biện hộ cho mọi hành động của Moskva, Tehran hay Bắc Kinh. Không nền văn minh nào hoàn hảo về đạo đức, và các chính phủ vẫn phải được đánh giá dựa trên quyền của người dân, cách ứng xử với láng giềng và sự tôn trọng luật pháp quốc tế. Một trật tự đa cực thực sự không nên có nghĩa là thay thế một trung tâm quyền lực không thể bị chất vấn bằng nhiều trung tâm nhỏ hơn. Lời hứa của trật tự đó nằm ở khả năng thương lượng giữa những trung tâm khác nhau, mà không bên nào được trao quyền vĩnh viễn áp

đặt chiến tranh.

“Phương Tây” cũng không phải một khối đồng nhất. Tại châu Âu và Mỹ, hàng triệu công dân phản đối những cuộc phiêu lưu quân sự ở nước ngoài, bảo vệ luật pháp quốc tế và đặt câu hỏi về ảnh hưởng chính trị quá lớn của bộ máy an ninh nước mình. Ranh giới đáng quan tâm không nằm giữa những dân tộc đạo đức ở Á-Âu và những dân tộc tha hóa ở thế giới Đại Tây Dương. Nó nằm giữa các chính sách tìm kiếm an ninh thông qua những thỏa thuận có đi có lại với các chính sách vẫn cho rằng một bên có quyền quyết định điều kiện an ninh của tất cả các bên còn lại.

Sự phân biệt đó mang lại sức thuyết phục lớn nhất cho lập luận phê phán của Escobar. Vấn đề không phải Iran, Nga hay Trung Quốc có xứng đáng được ngưỡng mộ vô điều kiện hay không. Vấn đề là Washington có thể thừa nhận những lợi ích chiến lược độc lập nằm ngoài hệ thống liên minh của mình mà không xem sự tồn tại của chúng là một hành động xúc phạm không thể chấp nhận hay không. Hòa bình chỉ trở nên khả thi khi chủ quyền của các nước khác được coi là điều kiện nền tảng cho đàm phán, chứ không phải chướng ngại vật cần loại bỏ.

6. Đường ống, đường sắt và cảng biển: địa kinh tế đằng sau cuộc gặp ở Moskva

Những nội dung dễ bị bỏ qua nhất trong tường thuật của Escobar liên quan đến cơ sở hạ tầng. Chúng cũng có thể là những nội dung mang ý nghĩa lâu dài nhất. Theo phát biểu công khai của Rezaei sau cuộc gặp Putin, các cuộc thảo luận có đề cập tới một dự án **đường ống dẫn khí đốt từ Nga tới Iran**. Escobar còn nhấn mạnh **tuyến đường sắt Rasht–Astara**, một đoạn kết nối còn thiếu của Hành lang Vận tải Quốc tế Bắc–Nam (INSTC). Đây không phải các chi tiết kinh tế thứ yếu. Chúng giúp giải thích vì sao Iran quan trọng với Nga, ngay cả khi không xét đến cuộc đối đầu hiện nay.

INSTC được hoạch định nhằm kết nối phía bắc lục địa Á-Âu với các cảng của Iran và từ đó tiếp tục bằng đường biển tới Nam Á. Mạng lưới này liên kết Nga và khu vực Caspi với Iran, rồi mở lối xuống phía nam tới Vịnh Ba Tư, Vịnh Oman và Ấn Độ Dương. Khi được hoàn thành và kết nối vào toàn bộ hệ thống, đoạn Rasht–Astara sẽ cải thiện tính liên tục của vận tải đường sắt trên tuyến phía tây Biển Caspi. Vấn đề tài chính, thi công và phối hợp xuyên biên giới vẫn là những thách thức thực tế; không thể đánh đồng một tuyên bố chính trị với một tuyến đường sắt đã hoàn thành.

Đối với Moskva, sức hấp dẫn chiến lược của hành lang này rất rõ ràng. Đa dạng hóa các tuyến vận tải có thể giảm mức độ chịu tác động từ các lệnh trừng phạt, sự gián đoạn hàng hải và tình trạng phụ thuộc vào những tuyến đường dễ bị ảnh hưởng bởi

sức ép chính trị của phương Tây. Với Iran, việc tham gia tạo ra nguồn thu từ vận tải quá cảnh, đầu tư hậu cần, cơ hội công nghiệp và quan hệ sâu rộng hơn với các đối tác thương mại lớn. Đối với Ấn Độ và những nền kinh tế Nam Á khác, hành lang này mở thêm một khả năng kết nối với thị trường Á-Âu. Nó không lập tức thay thế các tuyến vận tải biển hiện có, nhưng mở rộng bản đồ những cơ hội thương mại.

Escobar cũng đề cập tới **Tuyến đường biển phương Bắc** và sự quan tâm của Trung Quốc đối với vận tải qua vùng cực, bên cạnh việc phát triển các cảng của Iran như Bandar Anzali, Bandar Abbas và Chabahar. Cảng Gwadar của Pakistan xuất hiện trong phân tích như một đầu mối quan trọng khác bên bờ Biển Ả Rập. Những dự án này khác nhau về cơ cấu sở hữu, mức độ hoàn thiện, nguồn vốn và mục tiêu chiến lược. Không nên lý tưởng hóa chúng thành một "Con đường Tơ lụa" duy nhất, liền mạch. Ý nghĩa chung là cấu trúc địa lý của thương mại Á-Âu đang được xem xét và định hình lại theo những cách mà Mỹ không thể dễ dàng chi phối.

Các nhà hoạch định quân sự thường nhìn một vùng lãnh thổ qua hệ thống căn cứ, tầm hoạt động của vũ khí, máy bay và phòng thủ tên lửa. Các nhà hoạch định kinh tế lại nhìn vào hàng hóa vận chuyển, năng lượng, bảo hiểm, khổ đường sắt, năng lực cảng biển và chuỗi cung ứng. Một đại chiến lược nhất quán phải xem xét cả hai khía cạnh. Một cuộc tấn công làm suy yếu cơ sở hạ tầng Iran cũng có thể khiến những chính phủ Á-Âu khác quyết tâm hơn về mặt chính trị trong việc xây dựng các phương án thay thế sự thống trị của Mỹ trong lĩnh vực tài chính và hàng hải. Theo nghĩa đó, sức ép quân sự có thể tạo ra kết quả chiến lược trái ngược hoàn toàn với mục tiêu ban đầu.

Cơ sở hạ tầng cũng tạo ra lợi ích gắn với hòa bình. Đường ống và đường sắt hình thành các nhóm lợi ích cần biên giới ổn định, dễ dự đoán và những giao dịch an toàn. Các lợi ích ấy sẽ biến mất dưới những trận oanh tạc kéo dài. Do đó, cuộc gặp ở Moskva nhắc chúng ta rằng tương lai Iran không chỉ xoay quanh khả năng răn đe. Vấn đề còn là liệu cả một khu vực có được phép phát triển bằng vận tải, năng lượng và thương mại thay vì liên tục phải trải qua các chu kỳ tàn phá hay không.

7. Eo biển Hormuz và nguy cơ vòng xoáy trả đũa lan rộng

Escobar và Ali liên tục cảnh báo rằng những cuộc tấn công mới của Mỹ hoặc Israel có thể kích hoạt các hành động trả đũa vượt xa chiến trường trực tiếp. Lập luận của họ không khó hiểu. Trong nền kinh tế vùng Vịnh có sự kết nối chặt chẽ, hành động quân sự nhằm vào các mục tiêu Iran có thể tác động tới vận tải biển, cảng biển, sản xuất năng lượng, thị trường bảo hiểm và những tính toán an ninh của các nước láng giềng. Hệ quả kinh tế không chỉ giới hạn trong phạm vi chính phủ bị tấn công.

Eo biển Hormuz nằm ở trung tâm của tranh chấp hiện nay. Tehran gắn việc mở lại eo biển và nối lại đàm phán với những điều kiện mà Iran cho rằng Washington phải đáp ứng. Mỹ tiếp tục duy trì sức ép cưỡng chế, bao gồm các biện pháp hạn chế đối với cảng biển Iran. Pakistan và Qatar tìm cách duy trì khuôn khổ đàm phán, trong khi Trung Quốc nhấn mạnh tầm quan trọng của tự do và an toàn hàng hải. Những lập trường ấy cho thấy không thể xem các lời đe dọa quân sự và đề xuất ngoại giao là những vấn đề tách rời.

Lời cảnh báo của Escobar về khả năng Iran tiến hành những đòn trả đũa gây hậu quả tàn khốc là một **kịch bản**, không phải dự báo có xác suất đã biết hoặc kế hoạch tác chiến đã được xác minh. Iran có lý do để phát tín hiệu rằng mình có thể gây ra những tổn thất đáng kể trong khu vực. Các chính phủ vùng Vịnh cũng có lý do mạnh mẽ không kém để tránh biến lãnh thổ thành chiến trường hoặc để các cơ sở năng lượng tiếp tục bị đe dọa. Bất kỳ tuyên bố nào cho rằng một ngày tấn công, hướng tấn công hay phương thức đáp trả cụ thể đã chắc chắn đều cần được xem xét hết sức thận trọng. Trong thời điểm khủng hoảng, những lời cảnh báo từ nguồn ẩn danh có thể nhằm răn đe, gây nhiễu hoặc tác động đến đối phương.

Điểm cốt lõi vẫn rất thuyết phục: không có ranh giới rõ rệt giữa một đòn tấn công "có giới hạn" và một cuộc chiến rộng lớn hơn khi nhiều bên đều có động cơ trả đũa, thể hiện quyết tâm hoặc bảo vệ lợi ích đồng minh. Các nhà lãnh đạo có thể dự định tiến hành một chiến dịch ngắn. Nhưng thị trường, người dân và các chỉ huy quân sự có thể phải trải qua những hậu quả kéo dài hơn nhiều. Rủi ro không chỉ là một người nào đó đưa ra quyết định có chủ ý gây hại. Nó còn nằm ở việc những hệ thống chính trị được xây dựng quanh các lời đe dọa và phản đe dọa có thể mất khả năng dừng lại một khi hành động đã bắt đầu.

8. Thâm Quyến, ngày 18–19 tháng 11: Putin và Tập Cận Bình có thể trao cho Trump một lối thoát hay không?

Escobar xác định một cơ hội ngoại giao có thể xuất hiện tại **các cuộc họp APEC ở Thâm Quyến ngày 18–19 tháng 11 năm 2026**. Chương trình chính thức của APEC dự kiến tổ chức cuộc gặp các nhà lãnh đạo tại Thâm Quyến trong những ngày đó. Khả năng diễn ra một cuộc gặp giữa **Donald Trump, Vladimir Putin và Tập Cận Bình** đã được thảo luận công khai, nhưng hiện vẫn chỉ là một khả năng, chưa phải hội nghị thượng đỉnh chắc chắn diễn ra hay một thỏa thuận đã hoàn tất.

Đối với Escobar, ý nghĩa biểu tượng của cuộc gặp ấy có thể đặc biệt lớn. Một cuộc trao đổi giữa các tổng thống Mỹ, Nga và Trung Quốc sẽ đồng nghĩa với việc thừa nhận rằng những tranh chấp nguy hiểm nhất hiện nay không thể được giải quyết chỉ bằng cách Washington đưa ra tối hậu thư. Quan trọng hơn, nó có thể tạo ra một lối

thoát khả thi về mặt chính trị khỏi vòng xoáy leo thang quanh Iran. Bắc Kinh và Moskva có thể đưa ra những bảo đảm, khuôn khổ ngoại giao hoặc cùng thúc đẩy một giải pháp, trong khi Pakistan và Qatar tiếp tục công việc trung gian thực tế giữa Tehran và Washington.

Escobar sử dụng hình ảnh một hội nghị **“Yalta mới”** để nhấn mạnh tầm vóc lịch sử của thời điểm này. Phép so sánh có sức nặng về mặt tu từ, nhưng không nên được hiểu theo nghĩa đen. Thế giới năm 2026 không còn là thế giới năm 1945, cũng không phải một hệ thống cho phép ba tổng thống có quyền chính đáng phân chia quyền lợi của những quốc gia nhỏ hơn. Iran phải được tham gia vào các quyết định liên quan đến chủ quyền của mình. Các chính phủ vùng Vịnh cũng có những lợi ích không thể bị định đoạt bằng một thỏa thuận khép kín giữa các cường quốc. Một cuộc gặp thành công tại Thâm Quyến chỉ có giá trị khi nó mở đường cho tiến trình đàm phán rộng rãi và đáng tin cậy hơn.

Vậy tại sao một cơ hội như thế có thể thất bại? Escobar đặc biệt nhấn mạnh tâm lý chính trị của Trump và sự cám dỗ của cách sử dụng quyền lực mà ông mô tả là giống mafia: không bao giờ thừa nhận sai lầm, không bao giờ lùi bước khi chịu sức ép và trừng phạt những người phản đối nhà lãnh đạo. Bản ghi lời nói có những lời công kích cá nhân và suy đoán về sự suy giảm năng lực tâm thần. Đó là các phán xét mang tính luận chiến, không phải bằng chứng y khoa, và cũng không cần thiết để làm rõ phần phê phán về chính sách.

Thế khó chính trị thực sự cụ thể hơn nhiều. Một tổng thống nhiều lần đánh đồng ưu thế quân sự với sự vĩ đại của quốc gia có thể khó giải thích cho những người ủng hộ mình về một thỏa hiệp đạt được qua thương lượng sau nhiều tháng đe dọa. Tuy nhiên, khả năng ngăn chặn một cuộc chiến lớn hơn không phải sự nhục nhã. Đó là phép thử đối với năng lực phán đoán chiến lược. Mọi thỏa thuận đều đòi hỏi nhà lãnh đạo phải từ bỏ một số đòi hỏi tối đa để đổi lấy lợi ích có thể đạt được. Lựa chọn đặt ra cho Washington là trình bày sự đánh đổi ấy như một hành động có tầm nhìn của chính khách, hay để việc giữ gìn hình ảnh trong nước quyết định quá trình leo thang quốc tế.

Tập Cận Bình và Putin cũng phải đối diện với một phép thử. Một “lối thoát” cần đem lại cho chính quyền Mỹ điều gì đó thực chất hơn là yêu cầu thừa nhận thất bại. Nó cần đề cập đến an ninh hàng hải, các lệnh trừng phạt, điều kiện nối lại đối thoại Mỹ–Iran, những cơ chế ngăn chặn các đợt tấn công mới và các biện pháp thực thi đáng tin cậy. Nếu Nga và Trung Quốc muốn lời kêu gọi ngoại giao đa cực của mình được tôn trọng, họ phải góp phần biến giải pháp thành hiện thực thay vì chỉ phơi bày sự thiếu nhất quán của Mỹ.

Một kết quả có thể xảy ra là sự hiểu biết không chính thức nhằm tránh những hành động quân sự mới trong lúc các bên trung gian thương lượng những bước đi cụ thể. Khả năng khác là một sáng kiến ngoại giao công khai, tạo không gian chính trị để các bên kiềm chế. Khả năng thứ ba là thất bại: cuộc gặp ba bên dự kiến có thể không diễn ra hoặc diễn ra mà không mang lại tiến triển về Iran. Escobar có lý khi nhấn mạnh tính cấp bách do những ngày họp đang tới gần tạo ra. Nhưng sẽ thiếu cơ sở nếu coi sự tồn tại của một cơ hội ngoại giao là bằng chứng cho thấy một thỏa thuận cụ thể sắp đạt được.

9. Lựa chọn thực sự: giữ uy thế bằng cưỡng ép hay bảo đảm an ninh bằng đàm phán

Trong chiến lược đương đại của Mỹ tồn tại một nghịch lý. Washington càng dựa vào trừng phạt, phong tỏa, đe dọa quân sự và ngôn ngữ về quyền lực vượt trội, những quốc gia bị nhắm tới càng có động lực xây dựng các quan hệ đối tác thay thế. Sự phối hợp giữa họ có thể chưa hoàn hảo và hệ thống chính trị của họ có thể rất khác nhau, nhưng cùng chịu sức ép cưỡng chế sẽ tạo ra lợi ích chung. Vì vậy, một chính sách nhằm cô lập Iran có thể làm mạnh thêm lý do để Iran hợp tác với Nga và Trung Quốc, đồng thời nâng cao vai trò của Pakistan như một kênh liên lạc mà Washington khó có thể thay thế.

Phân tích của Escobar có sức thuyết phục nhất khi ông nhấn mạnh hệ quả mang tính cấu trúc ấy. Nó kém thuyết phục nhất khi những thông tin nội bộ ẩn danh được nâng lên thành sự thật chắc chắn hoặc khi sự phức tạp của chính trị thế giới bị giản lược thành những nhà lãnh đạo Á-Âu hoàn toàn duy lý đối đầu với một phương Tây hoàn toàn phi lý. Không cần đến những cách đơn giản hóa đó. Các sự kiện công khai đã cho thấy một thời điểm đặc biệt nguy hiểm: những tiếp xúc an ninh cấp cao giữa Nga và Iran, tranh chấp kéo dài về Hormuz và các điều kiện hòa bình, hoạt động ngoại giao tích cực của Trung Quốc và Pakistan, cùng khả năng diễn ra một cuộc gặp giữa ba cường quốc tại Thâm Quyến.

Một cuộc tấn công mới của Mỹ vào Iran cần phải đáp ứng nhiều yêu cầu hơn hẳn một phép tính quân sự về mặt tác chiến. Nó sẽ đặt ra vấn đề tính hợp pháp theo **Hiến chương Liên Hợp Quốc**, vốn về nguyên tắc cấm đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại quốc gia khác, trừ những căn cứ pháp lý được công nhận như quyền tự vệ hoặc sự cho phép của Hội đồng Bảo an. Sự tức giận về chính trị, nỗi lo mất uy tín và mong muốn trừng phạt đối thủ tự chúng không tạo thành lý do hợp pháp hay bền vững để phát động một cuộc chiến mới.

Trên hết, chính con người sẽ phải gánh chịu những tổn thất. Người Iran đã sống qua oanh tạc, trừng phạt và bất an; người Mỹ có thể phải chiến đấu hoặc tài trợ cho một

cuộc can thiệp nữa; những gia đình khắp vùng Vịnh mà cuộc sống phụ thuộc vào sự an toàn của các thành phố, nơi làm việc và cảng biển; cũng như người dân ở những nơi xa xôi có sinh kế gắn với năng lượng và vận tải biển — tất cả đều sẽ phải sống với hậu quả từ những quyết định do một nhóm nhỏ các nhà lãnh đạo đưa ra.

Chính thực tế nhân đạo ấy phải là thước đo của thành công ngoại giao. Mục tiêu cần hướng tới là ngăn chặn thêm sự tàn phá, bảo đảm hàng hải an toàn, giảm bớt đe dọa, thiết lập các cam kết bảo đảm có đi có lại và khiến giải pháp chính trị trở nên đáng lựa chọn hơn leo thang quân sự. Một thỏa thuận bền vững không đòi hỏi bất kỳ ai phải giả vờ rằng những bất bình lịch sử đã biến mất. Nó đòi hỏi các bên thừa nhận rằng vũ lực có giới hạn, và chủ quyền của những quốc gia khác không thể mãi bị xem là thứ chỉ được công nhận khi đáp ứng điều kiện.

Vì vậy, lời cảnh báo của Escobar cần được xem xét nghiêm túc, nhưng không nên biến mọi chi tiết trong tường thuật của ông thành sự thật đã được xác nhận. Cuộc gặp tại Điện Kremlin là có thật. Quan hệ đối tác chiến lược Nga–Iran là có thật. Vai trò của Trung Quốc và Pakistan trong nỗ lực chấm dứt chiến sự là có thật. Những công trình hạ tầng kết nối lợi ích Á-Âu cũng là hiện thực. Tuy nhiên, các cam kết chính xác được trao đổi sau cánh cửa đóng kín chưa được công khai đầy đủ, và kết quả của cuộc gặp tại Thâm Quyến vẫn chưa thể biết trước.

Lựa chọn đang tới gần hết sức rõ ràng. Washington có thể xem những diễn biến này là thách thức đối với uy thế của mình và tìm cách tái khẳng định vị trí thống trị thông qua một đợt sử dụng vũ lực mới. Hoặc Mỹ có thể thừa nhận rằng sự xuất hiện của những trung tâm quyền lực khác khiến an ninh thông qua thương lượng không chỉ đáng mong muốn về mặt đạo đức mà còn là điều không thể tránh khỏi về mặt chiến lược. Nếu có một lối thoát, việc chấp nhận nó sẽ không biểu thị sự yếu đuối. Đó có thể là bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy nhận thức chính trị cuối cùng đã bắt kịp những giới hạn của sức mạnh quân sự.

Nguồn tham khảo và ghi chú biên tập

Nguồn bình luận chính: Pepe Escobar trao đổi với Zulfiqar Ali (video được cung cấp kèm bản ghi lời nói). Bản ghi có dấu hiệu chứa lỗi do công nghệ nhận dạng giọng nói tự động; tên riêng, thuật ngữ và câu chữ đã được chỉnh sửa ở những chỗ có thể xác định. Cuộc trao đổi là nguồn để phân tích và diễn giải, không phải biên bản chính thức của cuộc gặp tại Điện Kremlin.

Tin tức đương thời: Reuters, ngày 5 tháng 11 năm 2026, về cuộc gặp Putin–Rezaei, phát biểu công khai của Rezaei, dự án đường ống khí đốt và các điều kiện của Iran.

Hiệp ước Nga–Iran: Toàn văn Hiệp ước Đối tác Chiến lược Toàn diện ngày 17 tháng 1 năm 2025 (tiếng Nga và tiếng Anh), đặc biệt là các điều 3, 5, 6 và 22.

Trung Quốc và Pakistan: Bộ Ngoại giao Trung Quốc, ngày 17 tháng 7 năm 2026, về lời kêu gọi chung ngừng bắn và vai trò trung gian của Pakistan; Bộ Ngoại giao Pakistan về các cuộc thảo luận cấp kỹ thuật trong khuôn khổ Bản ghi nhớ về sự hiểu biết Islamabad.

Thâm Quyến: Ban Thư ký APEC, ngày 3 tháng 11 năm 2026, chương trình Tuần lễ các nhà lãnh đạo.

Luật pháp quốc tế: Hiến chương Liên Hợp Quốc, đặc biệt là Điều 2(4) và Điều 51.

Lưu ý biên tập: thông tin về một đường dây điện thoại mã hóa kết nối với Lãnh tụ Tối cao Iran, thời lượng các cuộc họp và điện đàm riêng, bất kỳ lời hứa nào về viện trợ quân sự "không giới hạn", cũng như dự đoán về những ngày có thể xảy ra tấn công trong tương lai gần đều được quy về lời kể của các nhà bình luận hoặc nguồn tin mà họ viện dẫn. Những thông tin này không được trình bày như các sự kiện đã được xác minh độc lập.